TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST **Ngày: 27/01/2026** ***V/v: Ly hôn***	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- BẮC NINH**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Lệ**
- *Các hội thẩm nhân dân*: Bà **Hoàng Thảo Yến**

Ông **Đào Đức Phú**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trí Tuấn -** Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-Bắc Ninh tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Mai Anh -** Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6-Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trương Trọng M**, sinh năm 1970;

Căn cước công dân số: 027070000615;

Trú tại: Số nhà 37 đường Bắc Sơn, TDP Đáp Cầu 1, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1975

Căn cước công dân số: 027175000888;

Trú tại: Số nhà 37 đường Bắc Sơn, TDP Đáp Cầu 1, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn, ông Trương Trọng M trình bày*:

Ông và bà Đoàn Thị T kết hôn năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình. Bà T đã bỏ đi từ năm 2006 nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không có bất cứ sự liên lạc hay gặp gỡ gì. Nhận thấy không còn tình cảm gì đối với bà T nên ông đề nghị tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Trương Trọng Hiếu, sinh năm 1997. Con chung đã là người trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe M nên ông không yêu cầu giải quyết về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

** Bị đơn, Đoàn Thị T vắng mặt nên tòa án không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện và tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với Nguyên đơn: Đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với Bị đơn: Không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt. Nhận thấy bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Trọng M được ly hôn bà Đoàn Thị T

+ Về con chung: Con chung đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe M, tự lo được cho bản thân, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Trương Trọng M có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6-Bắc Ninh giải quyết cho ông được ly hôn bà Đoàn Thị T, cư trú tại phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 6- Bắc Ninh thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn" là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt. Xét thấy nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần 2, bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trương Trọng M, bà Đoàn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/10/1997. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông M xác định, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình. Sau đó, bà T đã bỏ đi từ năm 2006 ra nước ngoài làm ăn nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không có bất cư liên lạc gì. Nhận thấy không còn tình cảm gì với bà T nên ông yêu cầu được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để các đương sự hòa giải đoàn tụ gia đình. Đối với nguyên đơn, mặc dù đã được giải thích, thuyết phục nhiều lần nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu và không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bị đơn đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cũng tự từ bỏ quyền của mình, không đến tòa án làm việc để trình bày ý kiến của mình về vụ việc. yêu cầu của nguyên đơn, nên tòa án không thể ghi nhận được.

Để có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu của ông M, Tòa án đã tiến hành xác nhận tình trạng hôn nhân của ông M bà T tại nơi cư trú. Theo Biên bản làm việc ngày 02/12/2025 với đại diện Tổ dân phố Đáp Cầu 1, phường Vũ Ninh, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Vũ Ninh, đại diện Tổ dân phố Đáp Cầu 1 cho biết:

"*Theo như Tổ dân phố nắm được thì công dân Trương Công M và Đoàn Thị T có quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, bà T đã ly thân với ông M được khoảng 20 năm. Hiện ông M vẫn ở nhà số 37, đường Bắc Sơn, Tổ dân phố Đáp Cầu 1, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Bà T hiện ở đâu thì Tổ dân phố không rõ nhưng thỉnh thoảng có về nhà cha mẹ ruột tại Tổ dân phố Đáp Cầu 6, phường Vũ Ninh. Do ông M và bà T đã ly thân một thời gian dài nên ông M đề nghị ly hôn thì Tổ dân phố cũng ủng hộ quan điểm này. Đề nghị tòa án xem xét giải quyết"*.

Như vậy, việc ông M, bà T sống ly thân gần 20 năm, không có bất cứ liên lạc gì, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó việc ông M xin ly hôn bà T là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung:* Do con chung đã là người trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe M, nguyên đơn không yêu cầu việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Ông M phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 235, 262, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* *Tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trương Trọng M về việc "Ly hôn". Ông Trương Trọng M được ly hôn bà Đoàn Thị T.

2. Về con chung: Con chung đã là người trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trương Trọng M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông M đã nộp; theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí: Ký hiệu: BLTU/25E; Số: 0001232 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. (Ông M đã nộp đủ tiền án phí theo quy định).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Lệ

*** <u>Nơi nhận:</u>**
- VKSND KV6-Bắc Ninh
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS KV6-Bắc Ninh;
- UBND phường Vũ Ninh
- Các đương sự;
- Lưu